

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1878 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 19 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu nhà ở xã hội tại phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Thủ tướng Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1341/TTr-SXD ngày 08/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở xã hội tại phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch

a) Vị trí: Xác định theo bản đồ trích lục và đo chính lý bản đồ địa chính khu đất số 835/2018 tỷ lệ 1/1.000 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai kiểm tra xác nhận ngày 30/5/2018, phạm vi giới hạn như sau:

- Phía Bắc : Giáp đường đất và đất trồng cây lâu năm.

- Phía Nam : Giáp khu dân cư hiện hữu đường Suối Chồn - Bàu Cối.

- Phía Tây : Giáp đường đất và đất trồng cây lâu năm.

- Phía Đông : Giáp đường Lê A và KCN Suối Tre.

b) Quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch

- Quy mô diện tích : Khoảng 166.890 m².

- Quy mô dân số : 3.700 - 4.200 người.

- Tỷ lệ lập quy hoạch : 1/500.

2. Tính chất, mục tiêu nghiên cứu lập quy hoạch

a) Tính chất: Là khu nhà ở xã hội theo quy hoạch được xây dựng mới nhằm đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho công nhân và người dân tại khu vực, gồm: Nhà ở chung cư thấp tầng; nhà ở liên kế thấp tầng; công trình công cộng dịch vụ; công viên cây xanh với hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng mới đồng bộ.

b) Mục tiêu

- Cụ thể hóa chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai về việc phát triển nhà ở xã hội cho người lao động, người có thu nhập thấp và các công trình dịch vụ tiện ích phục vụ công nhân lao động trong các khu công nghiệp.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành triển khai dự án, quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình kiến trúc thuộc dự án theo quy hoạch.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Thực hiện theo quy chuẩn, quy phạm Việt Nam hiện hành và các quy phạm quy hoạch xây dựng có liên quan:

- Chỉ tiêu sử dụng đất:

+ Đất ở : 17 - 19 m²/người.

+ Đất công trình công cộng : 03 - 05 m²/người.

+ Đất cây xanh : 03 - 05 m²/người.

+ Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật : 13 - 15 m²/người.

- Tiêu chuẩn hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Tiêu chuẩn cấp điện : 1.500 kwh/người/năm.

+ Tiêu chuẩn cấp nước : 150 - 180 lít/người/ngày.

+ Tiêu chuẩn cấp nước công cộng : 15% nước sinh hoạt.

+ Tiêu chuẩn cấp nước tưới cây : 10% nước sinh hoạt.

+ Tiêu chuẩn nước thải : 80% nước cấp.

+ Tiêu chuẩn thải rác : 1,0 - 1,2 kg/người/ngày.

+ Tiêu chuẩn thông tin liên lạc : 0,5 máy/người.

b) Các chỉ tiêu quản lý quy hoạch kiến trúc

- Mật độ xây dựng:

- + Chung cư thấp tầng : 40 - 50 %.
- + Nhà liên kế thấp tầng : 80 - 90 %.
- + Công trình công cộng dịch vụ : 30 - 50 %.

- Tầng cao và chiều cao xây dựng:

- + Chung cư thấp tầng : 04 - 07 tầng.
- + Nhà liên kế thấp tầng (nhà ở thương mại) : 02 - 04 tầng.
- + Nhà liên kế thấp tầng (nhà ở xã hội) : 01 - 02 tầng.
- + Công trình công cộng dịch vụ : 01 - 05 tầng.
- + Công trình giáo dục : 01 - 03 tầng.

- Chỉ giới xây dựng công trình:

+ Khoảng lùi đối với đường liên khu vực (đường Lê A) và đường khu vực:

- Chung cư thấp tầng : ≥ 06 m.
- Nhà liên kế thấp tầng : ≥ 02 m (khoảng lùi trước).
- Công trình công cộng dịch vụ : ≥ 06 m.

+ Khoảng lùi đối với đường cấp nội bộ:

- Chung cư thấp tầng : ≥ 04 m.
- Nhà liên kế thấp tầng : ≥ 02 m (khoảng lùi trước).
- Công trình công cộng dịch vụ : ≥ 04 m.

+ Khoảng lùi so với ranh đất:

- Chung cư thấp tầng : ≥ 04 m.
- Nhà liên kế thấp tầng : ≥ 01 m (khoảng lùi sau).
- Công trình công cộng dịch vụ : ≥ 04 m.

4. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Quy hoạch sử dụng đất

Stt	Chức năng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
I	Đất ở	77.315	46,33	17 - 19
1	Đất nhà liên kế (nhà ở thương mại)	15.428		
2	Đất nhà ở liên kế (nhà ở xã hội)	46.484		
3	Đất chung cư (nhà ở xã hội)	15.403		
II	Đất công cộng	18.255	10,94	03 - 05
1	Đất công cộng dịch vụ	7.718		

2	Đất giáo dục	9.287		
3	Đất y tế	1.250		
III	Đất cây xanh công viên	15.091	9,04	03 - 05
IV	Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật	56.229	33,69	13 - 15
Tổng cộng		166.890	100,00	

b) Phân khu chức năng

Phương án cơ cấu phân khu chức năng được tổ chức trên cơ sở tôn trọng hình thái, nét đặc thù của điều kiện tự nhiên tại khu vực, không phá vỡ địa hình và điều kiện thiên nhiên sẵn có, tổ chức các loại hình nhà ở, công trình công cộng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, nghỉ ngơi, đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật với khu vực lân cận,... gồm các khu chức năng chính như sau:

- Khu công trình công cộng:

+ Bố trí khu đất có chức năng công cộng dịch vụ với quy mô khoảng 6.494 m², tầng cao 02 - 05 tầng, tại khu vực trung tâm phía Nam của khu vực lập quy hoạch nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân tại khu vực.

+ Bố trí khu đất giáo dục gồm khu đất xây dựng trường mầm non khoảng 3.263 m² và khu đất xây dựng trường tiểu học khoảng 6.024 m², tầng cao 01 - 03 tầng tại khu vực trung tâm và phía Bắc của khu vực lập quy hoạch nhằm phục vụ nhu cầu giáo dục, học và dạy học đối với con em của các hộ gia đình. Tổng diện tích đất giáo dục khoảng 9.287 m².

+ Bố trí khu đất công cộng dịch vụ (khoảng 1.224 m², tầng cao 01 - 03 tầng) và khu đất xây dựng khu y tế (khoảng 1.250 m², tầng cao 01 - 03 tầng) tại khu vực cửa ngõ phía Tây tiếp cận dự án nhằm phục vụ nhu cầu đối với các hộ gia đình, dân cư tại khu vực.

+ Việc bố trí các công trình công cộng dịch vụ tại các nút giao thông là cửa ngõ tiếp cận dự án nhằm tạo cơ sở để hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của không chỉ dân cư trong phạm vi dự án mà còn đối với dân cư tại các khu vực lân cận.

- Khu ở:

+ Khu nhà liên kế (nhà ở thương mại): Bố trí tại phía Tây khu vực quy hoạch, tiếp giáp đường Lê A, gồm 136 lô, với diện tích khoảng 15.428 m², tầng cao 02 - 04 tầng, mật độ xây dựng 80 - 90%.

+ Khu nhà ở liên kế (nhà ở xã hội): Bố trí tập trung toàn khu vực lập quy hoạch, gồm 592 lô, với diện tích khoảng 46.484 m², tầng cao 01 - 02 tầng, mật độ xây dựng 80 - 90%.

+ Khu chung cư (nhà ở xã hội): Bố trí tại phía Đông khu vực quy hoạch. Khu nhà ở chung cư gồm khoảng 250 - 450 căn hộ, có diện tích khoảng 15.403 m², tầng cao 04 - 07 tầng, mật độ xây dựng 40 - 50%.

- Khu cây xanh: Gồm công viên trung tâm bố trí tại trục đường chính kết nối vào dự án và các công viên nhóm ở phục vụ nhu cầu thư giãn, thể dục thể thao,... của người dân. Tổng diện tích cây xanh công viên khoảng 15.091 m².

- Giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Phương án quy hoạch bố trí hai trục giao thông chính theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây chạy dọc theo tuyến nhà liên kế. Khu hạ tầng kỹ thuật được bố trí phía Đông Bắc dự án. Tổng diện tích đất giao thông và hạ tầng toàn khu khoảng 56.229 m².

c) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho từng ô chức năng

Stt	Chức năng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Số lô (lô)	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)
I	Đất ở	77.315	46,33	17 - 19		40 - 90	01 - 07
1	Đất nhà liên kế (nhà ở thương mại)	15.428			136	80 - 90	02 - 04
	- Ô LK1	2.568			24	80 - 90	02 - 04
	- Ô LK2	3.903			38	80 - 90	02 - 04
	- Ô LK3	4.296			36	80 - 90	02 - 04
	- Ô LK4	4.661			38	80 - 90	02 - 04
2	Đất nhà ở liên kế (nhà ở xã hội)	46.484			592	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV1	3.358			40	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV2	3.118			40	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV3	3.118			40	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV4	3.118			40	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV5	3.118			40	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV6	3.118			40	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV7	3.118			40	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV8	3.118			40	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV9	3.118			40	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV10	1.637			20	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV11	2.820			36	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV12	2.816			36	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV13	2.801			36	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV14	2.776			36	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV15	2.681			34	80 - 90	01 - 02
	- Ô LKV16	2.651			34	80 - 90	01 - 02
3	Đất chung cư (nhà ở xã hội)	15.403				40 - 50	04 - 07
	- Ô CC1	7.541				40 - 50	04 - 07
	- Ô CC2	7.862				40 - 50	04 - 07
II	Đất công cộng dịch vụ	18.255	10,94	03 - 05		30 - 50	01 - 05
1	Đất công cộng dịch vụ	7.718				30 - 50	01 - 05
	- Ô CCDV 1	6.494				40 - 50	02 - 05

	- Ô CCDV 2	1.224				30 - 40	01 - 03
2	Đất giáo dục	9.287				30 - 40	01 - 03
	- Ô GD1	6.024				30 - 40	01 - 03
	- Ô GD2	3.263				30 - 40	01 - 03
3	Đất y tế	1.250				30 - 40	01 - 03
	- Ô YT	1.250				30 - 40	01 - 03
III	Đất cây xanh công viên	15.091	9,04	03 - 05		00 - 05	00 - 01
	- Ô CX1	2.249				00 - 05	00 - 01
	- Ô CX2	2.425				00 - 05	00 - 01
	- Ô CX3	4.282				00 - 05	00 - 01
	- Cây xanh khác	5.535				00 - 05	00 - 01
IV	Đất giao thông, HTKT	56.229	33,69	13 - 15			
	- Ô HTKT	1.161				30 - 40	01 - 03
	- Đất giao thông	55.068					
	Tổng cộng	166.890	100,00				

d) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Có các giải pháp định hướng cụ thể bằng hình ảnh biểu hiện đặc trưng riêng biệt về hình khối, chất liệu, màu sắc, cảnh quan kiến trúc... cho từng khu vực.

- Quản lý về không gian tầng cao, nguyên tắc, bố cục tổ chức không gian, hình thức kiến trúc đặc trưng, tỷ lệ diện tích cây xanh, không gian mở, giao thông, khoảng lùi, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất,...

- Xây dựng các yếu tố, hình ảnh chủ đạo đặc trưng thể hiện bản sắc riêng gắn với tính văn hóa, sinh thái, kinh tế,... theo nội dung định hướng quy hoạch chung tại khu vực đã được phê duyệt.

- Đối với các khu vực trung tâm công cộng dịch vụ bố cục hình khối kiến trúc cần lưu ý việc kết hợp bố trí mảng cây xanh tạo ra không gian mở rộng lớn với môi trường thiên nhiên thân thiện, đảm bảo khả năng tập trung đông người và phục vụ công cộng cho người dân.

- Đối với các khu vực cửa ngõ, bố trí các công trình mang tính biểu tượng thể hiện nét đặc trưng riêng của đô thị.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại: Đường Lê A tiếp giáp phía Tây dự án có lộ giới quy hoạch 36m.

- Giao thông nội khu dự án:

+ Đường D1, D2, D3, N3, N4, N5, N7, N8, N9, N11, N12 có lộ giới 13m (mặt cắt 1-1): Mặt đường 07 m, vỉa hè hai bên 03 m x 2.

+ Đường D4 có lộ giới 19 m (mặt cắt 2-2): Mặt đường 11 m, vỉa hè hai bên 03 m x 2, dải phân cách giữa 02 m.

+ Đường N1 có lộ giới 12 m (mặt cắt 3-3): Mặt đường 06 m, vỉa hè hai bên 03 m x 2.

+ Đường N2, N10 có lộ giới 23,5 m (mặt cắt 4-4): Mặt đường 11 m, vỉa hè hai bên 03 m x 2, dải phân cách giữa 6,5 m.

+ Đường N6 có lộ giới 16 m (mặt cắt 5-5): Mặt đường 08 m, vỉa hè hai bên 03 m x 2, dải phân cách giữa 02 m.

+ Đường N13 có lộ giới 11 m (mặt cắt 6-6): Mặt đường 6,5 m, vỉa hè hai bên 03 m và 1,5 m.

b) San nền và thoát nước mưa

- San nền: Phương án san nền cập nhật theo cao độ quy hoạch chung tại khu vực và khớp nối cao độ với các dự án lân cận, đảm bảo thoát nước chung cho toàn khu vực, tránh ngập úng cục bộ. Giải pháp san nền chủ yếu là đắp cao, bám theo địa hình tự nhiên, dốc dần về phía Đông Bắc.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng hệ thống thoát nước thải. Các tuyến thoát nước mưa sử dụng công tròn BTCT bố trí dưới vỉa hè dọc theo các trục đường có đường kính $\geq D600$.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan chức năng để thỏa thuận phương án bố trí, vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

c) Hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước: Khoảng 1.295 m³/ngày đêm.

- Nguồn nước: Thông qua mạng lưới cấp nước đô thị Long Khánh, từ tuyến ống dọc đường Lê A để cấp cho dự án.

- Mạng lưới cấp nước: Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước có dạng mạch vòng khép kín đảm bảo khả năng cấp nước đầy đủ cho nhu cầu dùng nước sinh hoạt và chữa cháy khi cần thiết. Các tuyến ống trong dự án sử dụng ống HDPE được bố trí dưới vỉa hè dọc theo các trục đường với đường kính $\geq D110$.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành cấp nước để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

d) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Lượng nước thải tính toán bằng 80% lượng nước cấp.

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải phải được xử lý cục bộ trước trước khi thu gom vào hệ thống công kín dưới vỉa hè dọc theo đường giao thông dẫn về trạm xử lý nước thải phía Đông Bắc dự án.

- Nước thải phải được xử lý đảm bảo phù hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận cuối cùng.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành thoát nước để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

- Rác thải được thu gom trong ngày và đưa tới bãi rác chung của thành phố Long Khánh.

d) Hệ thống cấp điện

- Nguồn điện cung cấp cho toàn bộ khu quy hoạch được lấy từ tuyến 22kV hiện hữu dọc đường Lê A. Bố trí các trạm hạ thế để cấp điện cho toàn khu.

- Xây dựng mới 04 trạm biến áp 400 kVA, các trạm đều là loại trạm trong nhà hoặc trạm compact.

- Tất cả các tuyến dây, tuyến cáp cấp điện và chiếu sáng (trung thế và hạ thế) đi ngầm bố trí dọc theo các tuyến đường.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan ngành điện để thỏa thuận phương án bố trí, vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

e) Hệ thống thông tin liên lạc

- Nguồn cấp từ tuyến cáp thông tin liên lạc hiện hữu dọc đường Lê A.

- Toàn bộ hệ thống cáp thông tin liên lạc được bố trí đi ngầm.

- Xây dựng các trạm thu phát sóng di động (BTS) phục vụ nhu cầu thông tin di động trong phạm vi dự án.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan ngành bưu chính viễn thông để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

6. Đánh giá môi trường chiến lược

Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức các biện pháp khống chế ô nhiễm môi trường: không khí, nguồn nước, tiếng ồn,... trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng và đưa dự án vào hoạt động.

7. Các công trình ưu tiên đầu tư

Ưu tiên đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trạm xử lý nước thải, nhà ở xã hội, công trình công cộng, thương mại - dịch vụ và các khu công viên cây xanh trong giai đoạn đầu.

8. Quy định quản lý theo đồ án

Được ban hành kèm theo quy định cụ thể việc quản lý đầu tư xây dựng trong phạm vi đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở xã hội tại phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh.

9. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn thực hiện

a) Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Thành Thắng.

b) Nguồn vốn thực hiện: Vốn chủ đầu tư và vốn vay.

c) Tiến độ thực hiện: Tổng thời gian dự kiến khoảng 2019 - 2025.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt tại Điều 1 Quyết định này Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Thành Thắng có trách nhiệm thực hiện:

1. Phối hợp cùng UBND thành phố Long Khánh, UBND phường Bảo Vinh thực hiện công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ Nhiệm vụ cấm mốc giới theo quy định. Phối hợp với UBND thành phố Long Khánh, UBND phường Bảo Vinh tổ chức triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cấm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Căn cứ vào quy hoạch được duyệt, chủ đầu tư thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, công an phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Giao thông Vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh, Chủ tịch UBND phường Bảo Vinh; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Thành Thắng, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, CNN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

